

Số: /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu,
chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Nha Trang**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025; Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 và Nghị quyết số 33/NQ-ĐHNT ngày 12/12/2025 sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-ĐHNT ngày 22/01/2026 của Hiệu trưởng ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đổi mới sáng tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Đổi mới sáng tạo; các trường đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Nha Trang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐMST.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu,
chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Nha Trang**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong các hoạt động thương mại hóa (TMH), kết quả nghiên cứu (KQNC), tài sản trí tuệ và hoạt động Chuyển giao công nghệ (CGCN) tại Trường Đại học Nha Trang (Trường ĐHTN - sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường); quy trình quản lý, định giá và phân chia lợi nhuận từ hoạt động CGCN của Trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.
2. Viên chức, người lao động, người học trong Trường.
3. Các tổ chức, cá nhân có tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động thương mại hóa, kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ với Trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi của Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chuyển giao công nghệ là hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ nhằm đưa công nghệ vào ứng dụng thực tế để tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc phương thức sản xuất mới.

2. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm mục đích thu lợi nhuận.

3. Bí quyết là thông tin được tích lũy, khám phá trong quá trình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh có ý nghĩa quyết định chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm công nghệ. Bí quyết bao gồm bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ.

4. Ươm tạo công nghệ là quá trình nhằm tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc từ công nghệ chưa hoàn thiện thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

5. Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ là quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

6. Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ là cơ sở cung cấp các điều kiện theo quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết phục vụ việc ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

7. Đổi mới công nghệ là hoạt động thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

8. Thẩm định giá công nghệ là hoạt động tư vấn xác định giá trị công nghệ được thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định do doanh nghiệp thẩm định giá, hội đồng thẩm định thực hiện theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.

9. Đánh giá công nghệ là hoạt động xác định trình độ, hiệu quả kinh tế, tác động của công nghệ đến môi trường, kinh tế - xã hội.

10. Giám định công nghệ là hoạt động xác định các chỉ tiêu của công nghệ đạt được trong quá trình ứng dụng so với các chỉ tiêu đã được các bên thỏa thuận.

11. Môi giới chuyển giao công nghệ là hoạt động hỗ trợ tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển giao công nghệ

12. Tư vấn chuyển giao công nghệ là hoạt động hỗ trợ lựa chọn, ứng dụng công nghệ; khai thác thông tin công nghệ, thông tin sáng chế, kết quả nghiên cứu, khoa học và phát triển công nghệ; đàm phán, ký kết và thực hiện chuyển giao công nghệ.

13. Xúc tiến chuyển giao công nghệ là hoạt động thúc đẩy cơ hội chuyển giao công nghệ; cung ứng dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu công nghệ; tổ chức chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ, điểm kết nối cung cầu công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ.

14. Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ là việc bên có quyền chuyển giao cho phép bên nhận được phép sử dụng công nghệ trong một phạm vi và thời hạn nhất định theo thỏa thuận.

15. Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

16. Tài sản trí tuệ là sản phẩm trí tuệ được tạo ra từ các hoạt động con người tạo ra, có giá trị kinh tế, được pháp luật công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thương mại hoá kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về CGCN, sở hữu trí tuệ, tài chính, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định nội bộ của Trường.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân chia lợi ích và xác định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên tham gia.

3. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Nhà trường, tác giả hoặc nhóm tác giả, bên nhận chuyển giao và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động TMH, CGCN.

Chương II

THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Điều 5. Nguyên tắc xác định quyền sở hữu kết quả nghiên cứu

1. Quyền sở hữu đối với KQNC, tài sản trí tuệ hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc TMH chỉ được thực hiện sau khi đã xác định rõ chủ sở hữu hoặc chủ thể có quyền khai thác, chuyển giao đối với KQNC, tài sản trí tuệ.

3. Đối với KQNC được hình thành từ nhiều nguồn kinh phí hoặc có nhiều chủ thể cùng tham gia tạo lập thì việc TMH phải thực hiện trên cơ sở văn bản xác định tỷ lệ quyền sở hữu hoặc thỏa thuận giữa các bên theo quy định của pháp luật.

4. Đối với KQNC có khả năng đăng ký bảo hộ quyền SHTT, tác giả, nhóm tác giả và đơn vị chủ trì phối hợp với Trung tâm Đổi mới sáng tạo (ĐMST) để thực hiện các thủ tục xác lập quyền SHTT trước khi công bố hoặc TMH, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 6. Các hình thức thương mại hóa kết quả nghiên cứu

Việc thương mại hoá kết quả nghiên cứu (TMH KQNC) tại Trường được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức cụ thể sau:

1. Chuyển nhượng quyền sở hữu KQNC: Chủ sở hữu thực hiện việc chuyển nhượng quyền sở hữu KQNC cho bên nhận thông qua hợp đồng thương mại.

2. Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ: Cho phép các tổ chức, cá nhân khác sử dụng KQNC trong một phạm vi, thời hạn và mức phí nhất định mà không chuyển giao quyền sở hữu.

3. Góp vốn bằng KQNC: Sử dụng giá trị của KQNC (đã được thẩm định giá) để góp vốn vào các dự án đầu tư hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp.

5. Thành lập doanh nghiệp khởi nguồn (Spin-off): Viên chức, người lao động, người học trong Trường thành lập doanh nghiệp khởi nguồn để trực tiếp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ KQNC của mình.

6. Hợp tác, liên doanh, liên kết: Phối hợp với các doanh nghiệp hoặc tổ chức khác để cùng khai thác, hoàn thiện và đưa sản phẩm ra thị trường, chia sẻ lợi nhuận và rủi ro.

7. Tự khai thác và sử dụng: Trường ĐHNT ứng dụng KQNC, tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp các tác giả/nhóm tác giả có nhu cầu tự ứng dụng, khai thác thương mại thì phải thông báo với Trung tâm ĐMST, để Trung tâm trình Hiệu trưởng xem xét, đồng thời cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính và phân chia lợi ích với Trường theo đúng quy định.

Điều 7. Quy trình thương mại hoá kết quả nghiên cứu

1. Quy trình thực hiện (Bảng tóm tắt quy trình tại Phụ lục I kèm theo quy định này)

Bước 1: Tiếp nhận, đánh giá tiềm năng và lựa chọn phương án thương mại hóa

- Nội dung thực hiện:
 - + Trung tâm ĐMST thông báo tổng hợp đề xuất TMH KQNC theo từng quý. Nhóm tác giả/ tác giả có nhu cầu TMH KQNC thì đăng ký thông tin với trung tâm.
 - + Các tác giả/nhóm tác giả tiến hành lập hồ sơ đăng ký theo hướng dẫn.
 - + Xác định quyền sở hữu, tình trạng bảo hộ quyền SHTT đối với KQNC.
 - + Đánh giá tình trạng kỹ thuật, tính sẵn sàng của công nghệ, khả năng bảo hộ quyền SHTT, nhu cầu thị trường và khả năng ứng dụng thực tiễn.
 - + Xác định phương án khai thác phù hợp (chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, góp vốn, thành lập doanh nghiệp,...).
- Đơn vị thực hiện: Trung tâm ĐMST phối hợp với đơn vị chủ trì nhiệm vụ, tác giả và Hội đồng tư vấn (nếu có).
- Thời hạn xử lý: Trong vòng 05 đến 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị TMH (theo mẫu 01 tại Phụ lục kèm theo quy định này).
 - + Thuyết minh KQNC (theo mẫu 02 tại Phụ lục).
 - + Hồ sơ xác lập quyền SHTT (nếu có).
 - + Báo cáo đánh giá công nghệ.
 - + Các hồ sơ pháp lý liên quan.

Bước 2: Thẩm định giá KQNC

- Nội dung thực hiện: Đây là bước để xác định giá trị bằng tiền phù hợp với giá thị trường. Phương thức thẩm định giá áp dụng theo từng trường hợp cụ thể:

+ Đối với hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết dưới hình thức góp vốn bằng KQNC, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Nhà nước đã được giao quyền sở hữu cho Trường, việc xác định giá trị góp vốn và tổ chức thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường có thể tham khảo ý kiến của tổ chức, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá hoặc tổ chức tư vấn độc lập khi cần thiết.

+ Đối với các trường hợp TMH, chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng thông thường khác: Việc thẩm định giá tài sản trí tuệ, công nghệ được thực hiện thông qua Doanh nghiệp thẩm định giá độc lập hoặc Hội đồng thẩm định của Nhà trường (thành phần Hội đồng có đại diện doanh nghiệp tham gia) theo quy định của pháp luật về giá.

- Đơn vị thực hiện: Hội đồng thẩm định hoặc Trung tâm ĐMST phối hợp với Doanh nghiệp/Tổ chức thẩm định giá độc lập.

- Thời hạn xử lý: 15 ngày làm việc.

- Thành phần hồ sơ:

+ Hồ sơ và các tài liệu liên quan đến KQNC;

+ Chứng thư thẩm định giá (nếu có)

+ Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng (theo mẫu 04 tại Phụ lục kèm theo quy định này).

+ Biên bản thẩm định giá của Hội đồng (theo mẫu 05 tại Phụ lục kèm theo quy định này)

Bước 3: Trình phê duyệt phương án và đàm phán, ký kết hợp đồng

- Nội dung thực hiện:

+ Trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt phương án TMH.

+ Tổ chức đàm phán, hoàn thiện các điều khoản hợp đồng.

+ Tiến hành ký kết hợp đồng TMH thuộc thẩm quyền của Trường.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm ĐMST.

- Thời hạn xử lý: 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định giá.

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình xin phê duyệt phương án;

+ Dự thảo hợp đồng TMH (theo mẫu 03 tại Phụ lục kèm theo quy định này).

+ Hồ sơ/Chứng thư/Biên bản thẩm định giá (nếu có).

Bước 4: Đăng ký CGCN (nếu thuộc diện bắt buộc)

- Nội dung thực hiện:
- Đối với hoạt động TMH KQNC thuộc trường hợp CGCN, thì cần hoàn thiện hồ sơ và thực hiện thủ tục đăng ký CGCN với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các trường hợp thuộc diện phải đăng ký theo quy định pháp luật).

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm ĐMST phối hợp với tác giả và các đơn vị liên quan.
- Thời hạn xử lý: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ đăng ký CGCN theo quy định hiện hành.

Bước 5: Theo dõi, giám sát, nghiệm thu và lưu trữ hồ sơ

- Nội dung thực hiện:
- + Theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện hợp đồng và việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán/chuyển giao.

- + Đánh giá hiệu quả hoạt động TMH.
- + Tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, tổng kết và lưu trữ toàn bộ hồ sơ.
- Đơn vị thực hiện: Trung tâm ĐMST phối hợp với tác giả và các đơn vị liên quan.
- Thời hạn xử lý: Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và sau khi kết thúc hợp đồng.

- Thành phần hồ sơ:

- + Báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện hợp đồng.
- + Biên bản nghiệm thu/thanh lý hợp đồng.
- + Báo cáo đánh giá hiệu quả TMH.

Điều 8. Quản lý tài sản trí tuệ trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu

1. Việc xác lập quyền sở hữu, việc quản lý, khai thác và TMH, KQNC được thực hiện theo quy định của pháp luật về SHTT, pháp luật về khoa học, công nghệ và ĐMST, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và Quy định quản trị tài sản trí tuệ hiện hành của Trường ĐHNT.

2. Trước khi thực hiện TMH, KQNC phải được rà soát, xác định tình trạng pháp lý, khả năng bảo hộ quyền SHTT, quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp và khả năng khai thác thương mại, hiệu quả kinh tế - xã hội và tiềm năng thị trường. Đối với KQNC được hình thành từ nhiều nguồn kinh phí hoặc có nhiều chủ thể tham gia tạo lập thì việc xác định quyền sở hữu, tỷ lệ sở hữu và quyền khai thác được thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khuyến khích các KQNC đã xác lập quyền SHTT, xác định quyền khai thác đưa vào hoạt động TMH. Giá trị công nghệ và tài sản trí tuệ được xác định thông qua tổ chức

thẩm định giá có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng quyết định thành lập.

4. Kết quả định giá là căn cứ để thực hiện chuyển nhượng, cấp phép sử dụng, góp vốn bằng tài sản trí tuệ, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc các hình thức TMH khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 9. Các đối tượng của hoạt động chuyển giao công nghệ

Đối tượng của hoạt động CGCN bao gồm một hoặc nhiều đối tượng sau:

1. Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ.
2. Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu.
3. Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, giải pháp đổi mới công nghệ.
4. Máy móc, thiết bị đi kèm với các đối tượng nêu trên.
5. Các công nghệ không nằm trong danh mục cấm chuyển giao theo Luật CGCN.

Điều 10. Các hình thức chuyển giao công nghệ

Hoạt động CGCN được thực hiện theo các hình thức sau:

1. CGCN độc lập: Là hoạt động chuyển giao mà đối tượng duy nhất của giao dịch là công nghệ.
2. Phần CGCN trong các trường hợp khác, bao gồm:
 - Dự án đầu tư: Công nghệ được chuyển giao để phục vụ việc thực hiện dự án.
 - Góp vốn bằng công nghệ: Sử dụng giá trị của công nghệ (đã được thẩm định giá) để tham gia góp vốn vào doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư.
 - Nhượng quyền thương mại: Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ gắn liền với nhãn hiệu và mô hình kinh doanh.
 - Chuyển giao quyền SHTT: Việc chuyển giao quyền đối với các đối tượng tài sản trí tuệ (như sáng chế, giải pháp hữu ích) được thực hiện theo pháp luật về SHTT.
 - Mua, bán máy móc, thiết bị: Trong trường hợp máy móc, thiết bị đi kèm với các bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, giải pháp hoặc phần mềm máy tính.
 - CGCN bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Phương thức chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao tài liệu về công nghệ, quy trình quản lý chất lượng, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật liên quan.

2. Đào tạo cho bên nhận công nghệ nắm vững và làm chủ công nghệ trong thời hạn thỏa thuận.

3. Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật cho bên nhận công nghệ đưa công nghệ vào ứng dụng, vận hành để đạt được các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, tiến độ theo thỏa thuận.

4. Chuyển giao máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ.

5. Phương thức chuyển giao khác do các bên thỏa thuận.

Điều 12. Quy trình thực hiện chuyển giao công nghệ tại Trường (Bảng tóm tắt quy trình tại Phụ lục kèm Quy định này)

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký CGCN

a) Trung tâm ĐMST là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký CGCN của các đơn vị, viên chức, người lao động, người học trong Trường và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp nhận công nghệ của Trường.

b) Trung tâm ĐMST tiếp nhận hồ sơ thường xuyên, thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và định kỳ tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng theo hằng quý về tình hình tiếp nhận, xử lý và kết quả CGCN.

c) Hồ sơ đăng ký CGCN gồm:

- Đơn đăng ký CGCN (theo mẫu 01 tại Phụ lục kèm Quy định này).
- Thuyết minh hồ sơ CGCN (theo mẫu 02 tại Phụ lục kèm Quy định này).
- Kế hoạch CGCN. Kế hoạch cần nêu rõ:
 - + Mô tả chi tiết công nghệ, tính mới, ưu điểm vượt trội.
 - + Đánh giá thị trường, đối tượng tiếp nhận tiềm năng.
 - + Phương án, hình thức chuyển giao đề xuất.
 - + Dự kiến chi phí và lợi ích kinh tế, xã hội.
 - + Nhu cầu hỗ trợ từ Nhà trường.
- Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với công nghệ (nếu có).
- Hồ sơ bảo hộ quyền SHTT hoặc tài liệu liên quan (nếu có).
- Các tài liệu khác theo yêu cầu của từng trường hợp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Trung tâm ĐMST có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc cần bổ sung, Trung tâm ĐMST thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử để tác giả, đơn vị hoàn thiện hồ sơ.

2. Đánh giá sơ bộ về công nghệ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ hợp lệ, Trung tâm ĐMST chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn đánh giá sơ bộ đối với công nghệ, bao gồm:

- a) Tính mới, tính sáng tạo.
- b) Khả năng ứng dụng.
- c) Mức độ hoàn thiện công nghệ.
- d) Tiềm năng TMH.
- e) Nhu cầu và khả năng tiếp nhận của thị trường.

Kết quả đánh giá sơ bộ là căn cứ để đề xuất tiếp tục thẩm định hoặc hoàn thiện công nghệ trước khi chuyển giao.

3. Đăng ký CGCN

Các trường hợp bắt buộc phải đăng ký CGCN, gồm có:

- a) CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam.
- b) CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài.
- c) CGCN trong nước có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc vốn nhà nước.
- d) Các trường hợp đặc thù khác theo quy định của pháp luật.

Trung tâm ĐMST tiến hành nộp hồ sơ đăng ký CGCN trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết CGCN. Đăng ký nộp hồ sơ tại Sở Khoa học và Công nghệ, nộp hồ sơ tại cổng dịch vụ công hoặc theo hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thẩm định kế hoạch CGCN

Sau khi hoàn thành bước đánh giá sơ bộ, Trung tâm ĐMST lập hồ sơ trình Hiệu trưởng xem xét thành lập Hội đồng thẩm định (khi cần thiết).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định tổ chức họp và đánh giá kế hoạch CGCN.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm đánh giá các nội dung sau:

- a) Tính mới và tính khả thi của công nghệ.
- b) Hiệu quả kinh tế, xã hội.
- c) Khả năng TMH.
- d) Giá trị công nghệ và phương án định giá (nếu có).
- e) Rủi ro kỹ thuật, tài chính và pháp lý.
- f) Hình thức chuyển giao phù hợp.

Kết quả thẩm định được lập thành biên bản và là căn cứ để Trung tâm ĐMST trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định phê duyệt phương án CGCN.

5. Phê duyệt và ký kết hợp đồng CGCN

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ và biên bản thẩm định, Hiệu trưởng xem xét quyết định phê duyệt phương án CGCN hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Sau khi được phê duyệt, Trung tâm ĐMST chủ trì, phối hợp với tác giả và các đơn vị liên quan:

- Rà soát nội dung kỹ thuật.
- Đàm phán các điều khoản chuyển giao.
- Hoàn thiện dự thảo hợp đồng.
- Trình Hiệu trưởng ký kết hoặc trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Đối với các hợp đồng thuộc diện phải đăng ký theo quy định của pháp luật, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Trung tâm ĐMST chủ trì, phối hợp với tác giả và các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Triển khai thực hiện hợp đồng

Trung tâm ĐMST phối hợp với tác giả, đơn vị chuyên môn và bên nhận chuyển giao tổ chức triển khai hợp đồng theo đúng nội dung đã ký.

Các hoạt động triển khai có thể bao gồm:

- a) Chuyển giao quy trình công nghệ, tài liệu kỹ thuật.
- b) Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn vận hành.
- c) Chuyển giao máy móc, thiết bị (nếu có).
- d) Hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo thỏa thuận.
- e) Hỗ trợ thiết kế bao bì, nhãn hiệu, nhận diện sản phẩm (nếu có thỏa thuận).

7. Giám sát, nghiệm thu và bảo hành công nghệ

- a) Trong quá trình thực hiện hợp đồng và nghiệm thu

- Trung tâm ĐMST: Là đầu mối theo dõi, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện hợp đồng; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Tác giả/nhóm tác giả: Chịu trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và trực tiếp tham gia vào quá trình nghiệm thu công nghệ với bên nhận chuyển giao.

- Đơn vị nhận chuyển giao: Hỗ trợ Nhà trường trong quá trình CGCN để đảm bảo thực hiện đúng các cam kết của hợp đồng.

- b) Trách nhiệm bảo hành công nghệ sau khi nghiệm thu

- Trách nhiệm pháp lý của Trường: Với vai trò là Bên giao công nghệ (theo quy định của Luật CGCN), Trường thực hiện nghĩa vụ bảo hành công nghệ đối với bên nhận chuyển giao theo đúng phạm vi, nội dung và thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Trách nhiệm chuyên môn của tác giả/nhóm tác giả: Chịu trách nhiệm chính về mặt chuyên môn kỹ thuật; thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ bảo hành và khắc phục các lỗi kỹ thuật phát sinh do bản chất thiết kế của công nghệ trong quá trình đối tác vận hành.

- Các trường hợp miễn trừ trách nhiệm: Nhà trường và tác giả/nhóm tác giả không chịu trách nhiệm bảo hành hoặc bồi thường đối với các sự cố, hư hỏng, thiệt hại phát sinh do bên nhận chuyển giao vận hành không đúng quy trình, sai hướng dẫn kỹ thuật hoặc tự ý thay đổi kết cấu công nghệ khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

Điều 13. Hỗ trợ từ Trường Đại học Nha Trang

1. Tư vấn: Trung tâm ĐMST hỗ trợ các hoạt động tư vấn chuyên môn, tư vấn kỹ thuật, ứng dụng, CGCN, thương mại hoá KQNC đối với các tác giả/nhóm tác giả và tổ chức, đơn vị có nhu cầu.

2. Kết nối: Hỗ trợ kết nối tác giả/nhóm tác giả với các doanh nghiệp, tổ chức, nhà đầu tư có nhu cầu tiếp nhận công nghệ thông qua các hội chợ công nghệ, triển lãm, diễn đàn kết nối cung - cầu công nghệ.

3. Hỗ trợ tài chính:

a) Xem xét cấp kinh phí hỗ trợ ban đầu cho các hoạt động chuẩn bị chuyển giao (ví dụ: sản xuất mẫu thử, hoàn thiện công nghệ, đăng ký SHTT).

b) Hỗ trợ tìm kiếm nguồn tài trợ từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

4. Hỗ trợ cơ sở vật chất: Tạo điều kiện về phòng thí nghiệm, trang thiết bị cần thiết để hoàn thiện công nghệ trước khi chuyển giao.

5. Đào tạo, tập huấn: Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng TMH công nghệ, khởi nghiệp, quản lý dự án cho viên chức, giảng viên và sinh viên.

Điều 14. Hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Giao kết hợp đồng CGCN phải được lập thành văn bản hoặc hình thức khác được coi là giao dịch bằng văn bản theo quy định của Bộ luật Dân sự. Văn bản hợp đồng phải được các bên ký, đóng dấu (nếu có); ký, đóng dấu giáp lai (nếu có) vào các trang của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

2. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng CGCN được quy định như sau:

a) Đối với CGCN không bắt buộc đăng ký CGCN: Hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì có hiệu lực từ thời điểm ký hợp đồng.

b) Đối với CGCN bắt buộc đăng ký CGCN: Hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký CGCN.

c) Trường hợp có gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì phải có phụ lục gia hạn hợp đồng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên có liên quan.

3. Nội dung hợp đồng CGCN

- Tên công nghệ được chuyển giao.
- Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.
- Chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.
- Phương thức CGCN.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Giá, phương thức thanh toán.
- Thời hạn, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.
- Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có).
- Kế hoạch, tiến độ CGCN, địa điểm thực hiện CGCN.
- Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao.
- Phạt vi phạm hợp đồng.
- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.
- Cơ quan giải quyết tranh chấp.
- Nội dung khác do các bên thỏa thuận.

Điều 15. Thỏa thuận và xử lý khiếu nại về hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng phải tuân thủ Luật CGCN, Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật SHTT, Luật Cạnh tranh và các quy định pháp luật liên quan khác.

2. Các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm lừa dối, giả tạo trong việc lập và thực hiện hợp đồng, hoặc vi phạm quy định về quyền CGCN. Khi phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm tra, giám sát, Trường ĐHNT sẽ xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Khi phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại, Trung tâm ĐMST là đầu mối tiếp nhận các khiếu nại của các bên có liên quan và báo với Ban Giám hiệu Nhà trường được biết và có phương án xử lý phù hợp.

4. Xử lý xung đột lợi ích

a) Thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia tư vấn, cán bộ tham gia quá trình thẩm định, định giá hoặc phê duyệt không được tham gia nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Là tác giả hoặc đồng tác giả của công nghệ.
- Có quyền lợi tài chính trực tiếp đối với kết quả chuyển giao.
- Là người đại diện hoặc có quan hệ quản lý đối với bên nhận chuyển giao.
- Có quan hệ vợ, chồng, cha mẹ, con, anh chị em ruột với tác giả hoặc người đại diện bên nhận chuyển giao.
- Các trường hợp khác có thể ảnh hưởng đến tính khách quan.

b) Cá nhân thuộc các trường hợp trên có trách nhiệm chủ động báo cáo và từ chối tham gia thẩm định.

c) Hiệu trưởng quyết định thay thế thành viên Hội đồng trong trường hợp phát sinh xung đột lợi ích.

Điều 16. Hội đồng thẩm định công nghệ

1. Tiêu chí và nội dung thẩm định, đánh giá công nghệ

Trước khi tiến hành TMH hoặc chuyển giao, sản phẩm công nghệ phải được Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ do Hiệu trưởng thành lập (hoặc Trung tâm ĐMST phối hợp với các chuyên gia) đánh giá dựa trên các tiêu chí chính sau đây:

- a) Phương án, quy trình công nghệ và giải pháp kỹ thuật được mô tả rõ ràng về nguyên lý và cách vận hành.
- b) Đã được thử nghiệm, vận hành ổn định ngoài phạm vi phòng thí nghiệm trong điều kiện phù hợp với mục đích ứng dụng.
- c) Có tính khả thi cao, có khả năng tạo ra các sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể, định lượng và xác định được trong thực tế.
- d) Không thuộc danh mục công nghệ bị cấm chuyển giao theo quy định của Luật CGCN và các văn bản pháp luật hiện hành.
- đ) Có đầy đủ hồ sơ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với công nghệ đó.

2. Phương thức và nguyên tắc thẩm định công nghệ

Việc xác định giá trị bằng tiền của công nghệ để làm cơ sở thực hiện các giao dịch thương mại (chuyển nhượng, góp vốn, hoặc chuyển giao quyền sử dụng) được thực hiện như sau:

- a) Khuyến khích thực hiện thông qua các tổ chức, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập có chức năng hợp pháp theo quy định của pháp luật về giá.

b) Nhà trường ưu tiên thuê doanh nghiệp hoặc tổ chức thẩm định giá có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật trong các trường hợp công nghệ có giá trị lớn, góp vốn thành lập doanh nghiệp, có nhiều chủ sở hữu, theo yêu cầu của đối tác hoặc các trường hợp khác khi Hiệu trưởng xét thấy cần thiết nhằm bảo đảm tính khách quan, độc lập và phù hợp với giá trị thị trường.

c) Trường hợp không bắt buộc thuê tổ chức thẩm định giá độc lập hoặc phục vụ công tác đánh giá nội bộ, Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng thẩm định công nghệ và tài sản trí tuệ để thực hiện việc thẩm định công nghệ và tài sản trí tuệ. Hội đồng thẩm định công nghệ và tài sản trí tuệ của Trường ĐHNT thực hiện chức năng đánh giá về mặt kỹ thuật, chuyên môn, tính tiên tiến, an toàn và khả năng ứng dụng thực tế của công nghệ, sản phẩm. Việc thẩm định giá tài sản thì phối hợp với các tổ chức thẩm định giá được Nhà nước công nhận.

d) Hội đồng thẩm định công nghệ và tài sản trí tuệ được thành lập gồm từ 5 đến 7 thành viên (bắt buộc số lượng Hội đồng là số lẻ), bao gồm Chủ tịch Hội đồng, các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công nghệ, chuyên gia về tài chính hoặc định giá (khi cần thiết), đại diện Trung tâm ĐMST, đại diện đơn vị chuyên môn và các thành viên khác do Hiệu trưởng quyết định. Tác giả hoặc nhóm tác giả công nghệ được mời tham dự các phiên họp của Hội đồng để trình bày, giải trình và cung cấp thông tin liên quan đến công nghệ nhưng không tham gia biểu quyết kết quả thẩm định.

e) Giá trị công nghệ được xác định phải đảm bảo phù hợp với xu hướng thị trường, bù đắp chi phí nghiên cứu phát triển (nếu có) và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.

3. Sử dụng kết quả thẩm định công nghệ

Kết quả thẩm định sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt là căn cứ pháp lý để Nhà trường tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu, góp vốn thành lập doanh nghiệp khởi nguồn (Spin-off), hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ với các đối tác.

Chương IV

THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP KHỞI NGUỒN (SPIN-OFF)

Điều 17. Thành lập và hình thức tham gia

1. Trường ĐHNT được quyền thành lập, tham gia thành lập hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) theo quy định của pháp luật nhằm TMH KQNC do Trường quản lý hoặc đồng sở hữu.

2. Việc thành lập doanh nghiệp spin-off phải bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển của Trường, không làm ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và

các nhiệm vụ được giao; đồng thời phải được Hiệu trưởng phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành.

Điều 18. Quy định về việc tham gia của viên chức, người lao động

1. Nhà trường có thể cử viên chức, người lao động tham gia quản lý, điều hành hoặc đại diện phần vốn góp của Trường tại doanh nghiệp spin-off theo quy định của pháp luật về viên chức, doanh nghiệp và các quy định nội bộ của Trường.

2. Việc tham gia của viên chức, người lao động phải được Hiệu trưởng chấp thuận bằng văn bản và bảo đảm không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

3. Nhà trường ban hành quy định riêng về điều kiện, tiêu chí lựa chọn, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của viên chức, người lao động, người học tham gia hoạt động khởi nghiệp, thành lập và điều hành doanh nghiệp spin-off.

Điều 19. Khai thác thương hiệu, tài sản trí tuệ và cơ sở vật chất của Trường

1. Doanh nghiệp spin-off được xem xét sử dụng thương hiệu, KQNC, tài sản trí tuệ, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị và các nguồn lực khác của Trường để phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm và TMH sản phẩm theo quy định của pháp luật và quy định của Trường.

2. Việc sử dụng thương hiệu, nhãn hiệu, logo, tên gọi của Trường ĐHNT chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Hiệu trưởng và phải bảo đảm đúng mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng cũng như không làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh và quyền lợi hợp pháp của Nhà trường.

3. Việc khai thác KQNC, sáng chế, giải pháp hữu ích, bí quyết kỹ thuật và các đối tượng SHTT thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý của Trường được thực hiện trên cơ sở hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng góp vốn bằng tài sản trí tuệ, hợp đồng hợp tác nghiên cứu hoặc các hình thức hợp đồng khác theo quy định của pháp luật.

4. Việc sử dụng phòng thí nghiệm, trang thiết bị, nhà xưởng, văn phòng, không gian làm việc chung và các cơ sở vật chất khác của Trường phải được thực hiện thông qua hợp đồng thuê, hợp đồng hợp tác hoặc văn bản thỏa thuận, trong đó quy định rõ phạm vi sử dụng, thời gian sử dụng, trách nhiệm bảo quản tài sản, nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) và các quyền, nghĩa vụ của các bên.

5. Đối với trường hợp Trường góp vốn bằng tài sản trí tuệ, thương hiệu, công nghệ hoặc cơ sở vật chất vào doanh nghiệp spin-off, việc xác định giá trị tài sản góp vốn phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định có liên quan.

Điều 20. Chính sách hỗ trợ và ưu đãi

1. Hỗ trợ khởi nghiệp: Nhà trường xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bao gồm vườn ươm doanh nghiệp, mạng lưới cố vấn và không gian làm việc chung để hỗ trợ spin-off.

2. Chế độ cho giảng viên: Giảng viên tham gia TMH và thành lập doanh nghiệp có thể được xem xét giảm định mức giờ giảng, hỗ trợ tài chính và ưu tiên trong việc xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Chương V

QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM VÀ PHÂN CHIA LỢI ÍCH

Điều 21. Trách nhiệm, quyền lợi của các bên

1. Đối với Trường Đại học Nha Trang

a) Trường ĐHNT thực hiện quyền quản lý, khai thác đối với các tài sản trí tuệ và KQNC khoa học, phát triển công nghệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn vốn của Trường.

b) Phê duyệt các hoạt động CGCN; quản lý, sử dụng và phân chia lợi ích từ hoạt động CGCN theo quy định.

c) Ban hành các quy định, chính sách; tạo môi trường thuận lợi; hỗ trợ, giám sát các hoạt động TMH KQNC và CGCN.

2. Đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Nha Trang

Khuyến khích, động viên viên chức, giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu và tạo ra các sản phẩm công nghệ có khả năng chuyển giao.

3. Đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo

a) Trung tâm ĐMST là đơn vị đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn, tham mưu và theo dõi quá trình TMH, ứng dụng và chuyển giao các KQNC khoa học đã nghiệm thu, các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học và công nghệ đã được triển khai thành công trong Nhà trường.

b) Tư vấn, đề xuất cơ chế chính sách thúc đẩy hoạt động CGCN trong Nhà trường.

c) Quản lý, điều phối, hỗ trợ, giám sát, và đánh giá các hoạt động CGCN, tư vấn công nghệ của các đơn vị thuộc, trực thuộc trong Nhà trường.

d) Kết nối Nhà trường với doanh nghiệp, địa phương, tổ chức trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy CGCN, ứng dụng KQNC và thực tiễn.

đ) Tiếp nhận hồ sơ và phối hợp hoạt động thẩm định hồ sơ TMH KQNC, CGCN.

e) Đề xuất, phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về hoạt động thương mại hoá KQNC, CGCN.

4. Đối với Phòng Tài chính

Phối hợp với Trung tâm ĐMST trong công tác phân bổ, quản lý kinh phí cho các hoạt động thương mại hoá KQNC và CGCN và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục tài chính theo quy định.

5. Đối với Phòng Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với các đơn vị để quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển các nghiên cứu chiến lược.

b) Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quản lý các sản phẩm sở hữu trí tuệ của Nhà trường; đề xuất hỗ trợ tác giả đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các KQNC; xác nhận KQNC, xác nhận chủ sở hữu hoặc chủ thể có quyền đối với KQNC do Phòng KH&CN quản lý.

6. Đối với viên chức, người lao động, người học (tác giả/nhóm tác giả)

a) Trách nhiệm:

- Nghiên cứu nghiêm túc, tạo ra sản phẩm chất lượng.
- Chủ động đề xuất chuyển giao.
- Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng.
- Bảo mật thông tin liên quan đến công nghệ được chuyển giao.

b) Quyền lợi:

- Được bảo hộ quyền SHTT đối với công trình nghiên cứu.
- Được Nhà trường tạo điều kiện, hưởng lợi ích từ hoạt động CGCN theo quy định của Nhà trường và pháp luật, tiêu biểu như:

- + Quy đổi thời gian nghiên cứu, CGCN thành giờ giảng dạy định mức.
- + Xem xét hỗ trợ kinh phí thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng SHTT khác.

7. Đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan

Các tổ chức, cá nhân tham gia quá trình đánh giá, thẩm định giá, đàm phán và CGCN có trách nhiệm bảo mật thông tin về công nghệ, tài sản trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, dữ liệu nghiên cứu và các thông tin thuộc phạm vi bảo mật theo quy định của pháp luật và của Nhà trường. Việc cung cấp thông tin cho bên thứ ba chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia tư vấn, đơn vị tư vấn định giá phải ký cam kết bảo mật trước khi tiếp cận hồ sơ công nghệ.

Điều 22. Nguyên tắc phân chia lợi ích

1. Việc phân chia lợi ích từ hoạt động TMH, CGCN phải công khai, minh bạch, hợp lý, khuyến khích tác giả/nhóm tác giả và đóng góp vào sự phát triển chung của Nhà trường.

2. Lợi ích được phân chia bao gồm lợi nhuận từ hoạt động TMH, CGCN, lệ phí cấp phép, doanh thu từ sản xuất, kinh doanh sản phẩm ứng dụng công nghệ.

3. Tỷ lệ phân chia thu nhập sau thuế từ hoạt động TMH KQNC, CGCN sẽ được quy định chi tiết trong văn bản hướng dẫn riêng hoặc trong từng hợp đồng TMH, chuyển giao, nhưng đảm bảo:

a) Lợi nhuận cho tác giả/nhóm tác giả: tối đa 50% lợi nhuận sau thuế thu được (bảo đảm không thấp hơn mức tối thiểu 30% giá trị thu được từ việc cho thuê, bán, chuyển nhượng, góp vốn bằng KQNC), tùy theo mức độ đóng góp, tính mới của công nghệ và giá trị chuyển giao.

b) Thưởng cho tổ chức trung gian, bên môi giới (nếu có): không quá 10%, theo thỏa thuận của các bên.

c) Phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trừ đi các chi phí tại điểm a và điểm b của Khoản 3 Điều 22 được phân bổ hạch toán như sau:

- 50% chuyển về Nhà trường để bổ sung Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Trường ĐHNT và thực hiện tái đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của Trường ĐHNT.

- 50% chuyển về đơn vị quản lý, hỗ trợ trực tiếp để chi cho các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của đơn vị.

4. Hoạt động của doanh nghiệp spin-off dựa trên nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hạch toán độc lập. Cơ chế chia sẻ lợi ích được quy định như sau:

a) Thỏa thuận lợi ích: Việc phân chia lợi nhuận, doanh thu và các lợi ích kinh tế khác phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp spin-off được thực hiện trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật.

b) Mọi khoản thu của Nhà trường từ doanh nghiệp spin-off được quản lý, hạch toán và sử dụng theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Trường. Việc sử dụng nguồn thu để tái đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ, ĐMST và TMH KQNC được thực hiện theo Quy chế tài chính và các quy định có liên quan của Trường.

c) Thẩm định giá công nghệ: Khi góp vốn bằng công nghệ vào doanh nghiệp, giá trị công nghệ phải được thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng: Các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động CGCN, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao sẽ được Nhà trường khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Xử lý vi phạm: Các hành vi vi phạm Quy định này hoặc các quy định pháp luật có liên quan trong hoạt động CGCN sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường và pháp luật hiện hành.

3. Chấp nhận rủi ro và loại trừ trách nhiệm: Việc chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Quy định này không làm phát sinh hoặc loại trừ trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm ĐMST chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện Quy định này.

2. Các cá nhân, đơn vị thuộc, trực thuộc Trường căn cứ Quy định này để đăng ký thương mại hoá KQNC và CGCN khi thông báo từ Trung tâm ĐMST, chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện theo dõi định hướng phát triển và phối hợp với các đơn vị khác trong và ngoài Trường để thực hiện thương mại hoá KQNC và CGCN theo kế hoạch.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tập thể, cá nhân phản ánh đến Hiệu trưởng (qua Trung tâm ĐMST) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền/.

Phụ lục

DANH MỤC PHỤ LỤC, BIỂU MẪU

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DHNT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

TT	Tiêu đề phụ lục, biểu mẫu	Nội dung
1	Phụ lục I	Bảng tóm tắt các quy trình
1.1	Phụ lục 1.1	Quy trình thương mại hoá kết quả nghiên cứu
1.2	Phụ lục 1.2	Quy trình chuyển giao công nghệ
2	Phụ lục II	Các biểu mẫu
2.1	Mẫu 1	Đơn đăng ký thương mại hoá kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ
2.2	Mẫu 2	Thuyết minh Hồ sơ đăng ký thương mại hóa và chuyển giao công nghệ
2.3	Mẫu 3	Hợp đồng chuyển giao công nghệ
2.4	Mẫu 4	Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng
2.5	Mẫu 5	Biên bản họp hội đồng thẩm định

Phụ lục I
BẢNG TÓM TẮT CÁC QUY TRÌNH

1.1 QUY TRÌNH THƯƠNG MẠI HOÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bước	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Thời hạn xử lý	Hồ sơ
1	1.1 Tiếp nhận đề xuất thương mại hóa (TMH); xác định quyền sở hữu, tình trạng bảo hộ quyền SHTT; đánh giá sơ bộ khả năng TMH	Trung tâm ĐMST phối hợp đơn vị chủ trì, tác giả	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Đơn đề nghị (mẫu 01); Thuyết minh KQNC (mẫu 02); Hồ sơ xác lập quyền sở hữu (nếu có); Hồ sơ pháp lý liên quan
	1.2 Đánh giá sản phẩm, khả năng ứng dụng, nhu cầu thị trường và lựa chọn hình thức TMH phù hợp	Trung tâm ĐMST, Hội đồng tư vấn (nếu cần)	10 ngày làm việc	Báo cáo đánh giá; Biên bản họp Hội đồng (nếu có)
2	Thẩm định giá kết quả nghiên cứu (KQNC) hoặc tài sản trí tuệ	Hội đồng thẩm định hoặc Trung tâm ĐMST phối hợp với Doanh nghiệp/Tổ chức thẩm định giá độc lập	15 ngày làm việc	Hồ sơ định giá; Chứng thư hoặc Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng (mẫu 04) và Biên bản thẩm định giá (mẫu 05)
3	Trình Hiệu trưởng phê duyệt phương án; tổ chức đàm phán, ký kết hợp đồng	Trung tâm ĐMST	05 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định	Tờ trình; Dự thảo hợp đồng (mẫu 03); Hồ sơ thẩm định
4	Thực hiện đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (CGCN) (đối với trường hợp thuộc diện phải đăng ký theo quy định của pháp luật)	Trung tâm ĐMST phối hợp tác giả và đơn vị liên quan	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Hồ sơ đăng ký theo quy định của pháp luật
5	Theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng; đánh giá hiệu quả TMH; tổng kết và lưu trữ hồ sơ	Trung tâm ĐMST phối hợp đơn vị chủ trì	Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và sau khi kết thúc	Báo cáo thực hiện hợp đồng; Biên bản nghiệm thu/thanh lý hợp đồng; Báo cáo đánh giá hiệu quả.

1.2 QUY TRÌNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Bước	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Thời hạn xử lý	Hồ sơ
1	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký CGCN; đánh giá sơ bộ khả năng CGCN	Trung tâm ĐMST phối hợp đơn vị chủ trì, tác giả	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Đơn đề nghị (mẫu 01); Thuyết minh hồ sơ CGCN (mẫu 02); Kế hoạch CGCN dự kiến; Hồ sơ xác lập quyền sở hữu (nếu có); Hồ sơ pháp lý liên quan
2	Đánh giá sơ bộ về công nghệ, khả năng ứng dụng, nhu cầu thị trường	Trung tâm ĐMST, các đơn vị chuyên môn liên quan, Hội đồng tư vấn (nếu cần)	10 ngày làm việc	Báo cáo đánh giá công nghệ; Biên bản họp Hội đồng (nếu có)
3	Đăng ký giấy chứng nhận đăng ký CGCN (nếu cần)	Trung tâm ĐMST	90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết CGCN	Hồ sơ đăng ký theo quy định của pháp luật
4	Thẩm định kế hoạch chuyển giao	Trung tâm ĐMST; Hội đồng thẩm định (nếu có)	15 ngày làm việc	Hồ sơ đăng ký; Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng (mẫu 04) và Biên bản thẩm định (mẫu 05)
5	Trình Hiệu trưởng phê duyệt phương án; tổ chức đàm phán, ký kết hợp đồng	Trung tâm ĐMST	05 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định	Tờ trình; Dự thảo hợp đồng (mẫu 03); Hồ sơ thẩm định
6	Thực hiện đăng ký hợp đồng CGCN (đối với trường hợp thuộc diện phải đăng ký theo quy định của pháp luật)	Trung tâm ĐMST phối hợp tác giả và đơn vị liên quan	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Hồ sơ đăng ký theo quy định của pháp luật
7	Theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng; nghiệm thu và bảo hành công nghệ; tổng kết và lưu trữ hồ sơ	Trung tâm ĐMST; tác giả, phối hợp đơn vị nhận CGCN	Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và sau khi kết thúc	Báo cáo thực hiện hợp đồng; Biên bản nghiệm thu/thanh lý hợp đồng; Báo cáo đánh giá hiệu quả.

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU

Mẫu 1: Đơn đăng ký thương mại hoá kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CGCN

Khánh Hòa, ngày tháng năm 202...

ĐƠN ĐĂNG KÝ

THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: - Ban Giám hiệu Trường Đại học Nha Trang

- Trung tâm Đổi mới sáng tạo

I. NỘI DUNG KÊ KHAI

1. Thông tin về Tác giả hoặc Đại diện nhóm tác giả:

- Họ và tên:.....
- Học hàm, Học vị:.....
- Đơn vị (Khoa/ Trường chuyên ngành):.....
- Số điện thoại:.....
- Email:.....

2. Thông tin về kết quả nghiên cứu và Công nghệ đăng ký:

Tên kết quả nghiên cứu hoặc công nghệ đề xuất chuyển giao:
.....

Nguồn gốc hình thành của kết quả nghiên cứu hoặc công nghệ:

- ☐ Đề tài nghiên cứu khoa học sử dụng nguồn ngân sách nhà nước (Mã số đề tài cụ thể:)
- ☐ Đề tài sử dụng kinh phí của Trường Đại học Nha Trang.
- ☐ Đề tài phối hợp sử dụng nguồn kinh phí từ Nhà trường và các tổ chức đối tác đồng tài trợ.
- ☐ Đề tài được triển khai bằng 100% nguồn kinh phí tài trợ trực tiếp từ các đơn vị ngoài Trường Đại học Nha Trang.

Tình trạng bảo hộ Sở hữu trí tuệ (SHTT):

- ☐ Tác giả đang hoàn thiện hồ sơ để đăng ký bảo hộ quyền SHTT
- ☐ Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ của Cục SHTT (Quyết định chấp nhận

đơn hợp lệ số....., ngày cấp:)

- ☐ Đã được cấp Văn bằng bảo hộ độc quyền chính thức (Số hiệu văn bằng: ngày cấp)

3. Phương án đề xuất thương mại hoá:

- Hình thức đề xuất chuyển giao: ☐ Cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng
☐ kinh doanh dịch vụ; hợp tác, liên doanh, liên kết
☐ Góp vốn thành lập doanh nghiệp KH&CN khởi nguồn từ kết quả nghiên cứu (Spin-off)

Đối tượng tiếp nhận dự kiến:

Giá trị chuyển giao dự kiến: (VNĐ)

II. CAM KẾT CỦA TÁC GIẢ HOẶC NHÓM TÁC GIẢ

1. Chúng tôi xin cam đoan toàn bộ các thông tin trong biểu mẫu này là hoàn toàn trung thực, chính xác đồng thời tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về vấn đề bản quyền liên quan đến kết quả nghiên cứu.

2. Cam kết thực hiện nghiêm túc và tuân thủ đầy đủ mọi quy trình thương mại hoá, chuyển giao công nghệ cùng cơ chế phân chia lợi ích theo các văn bản quy định hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

III. DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO HỒ SƠ

- ☐ Bản thuyết minh chi tiết về phương án thương mại hoá và chuyển giao công nghệ theo Mẫu số 02.
- ☐ Quyết định nghiệm thu đề tài, dự án hoặc Bản sao biên bản đánh giá kết quả của Hội đồng khoa học cấp trường hoặc tương đương (nếu có)
- ☐ Bản sao Bằng độc quyền sáng chế, Giải pháp hữu ích hoặc quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (nếu có).
- ☐ Văn bản thỏa thuận thống nhất tỷ lệ đóng góp của các đồng tác giả đối với kết quả nghiên cứu đăng ký (nếu có).

**Trưởng Khoa/Trường chuyên ngành
quản lý trực tiếp**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu xác nhận)

Đại diện Tác giả hoặc Nhóm tác giả

(Ký tên và ghi rõ họ tên đầy đủ)

.....

....

.....

.....

VII. PHẦN XÁC NHẬN TIẾP NHẬN CỦA TRUNG TÂM ĐMST

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tiến hành kiểm tra và xác nhận lưu trữ thông tin:

Mã số hồ sơ lưu trữ: NTU-CGCN- 202...-.....	Ngày nhận hồ sơ:/...../202...
Chữ ký và họ tên cán bộ trực tiếp tiếp nhận:	

Mẫu 2: Thuyết minh Hồ sơ đăng ký thương mại hóa và chuyển giao công nghệ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm 202...

THUYẾT MINH HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THƯƠNG MẠI HÓA VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

I. NỘI DUNG THUYẾT MINH

1. Thông tin chung về công nghệ:

- Tên công nghệ đề xuất:.....
- Lĩnh vực chuyên môn:.....
- Nguồn gốc xuất xứ :.....
- Thời gian thực hiện :.....

2. Thuyết minh kỹ thuật công nghệ:

a) Nguyên lý hoạt động và cách thức vận hành chi tiết:

.....

.....

b) Các thông số kỹ thuật và thông tin sản phẩm:

.....

.....

c) Đánh giá mức độ sẵn sàng và kết quả thực tế thu được:

.....

.....

3. Phân tích thị trường và đối tượng tiếp nhận công nghệ:

a) Nhu cầu thực tế của thị trường đối với sản phẩm từ công nghệ này:

.....

.....

..

b) So sánh các ưu điểm vượt trội so với các công nghệ tương đương hiện nay:

.....

.....

..

c) Đề xuất đối tượng nhận chuyển giao tiềm năng:

.....

4. Phương án đề xuất thương mại hóa, chuyển giao công nghệ:

Hình thức chuyển giao đề xuất:

Giá trị chuyển giao dự kiến: (VNĐ)

Phương thức thanh toán đề xuất:

Tỷ lệ phân chia lợi ích tài chính thực tế thu được theo quy định của Nhà trường:

Đối tượng thụ hưởng	Tỷ lệ phân chia	Ghi chú
Tác giả hoặc Nhóm tác giả thực hiện	30%	Thực hiện phân bổ theo đúng quy định tại Điều 21
Bên môi giới hoặc đối tác trung gian	 %	Tối đa không vượt quá 10% tổng giá trị hợp đồng
Nhà trường và đơn vị quản lý hỗ trợ	50 / 50	Phần còn lại sau khi trừ chi phí trung gian sẽ được chia đều cho Nhà trường và Trung tâm Đổi mới sáng tạo để tái đầu tư

II. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO HỒ SƠ

☐ Bản vẽ kỹ thuật chi tiết, quy trình vận hành công nghệ hoặc sơ đồ thiết lập hệ thống thực tế, các tài liệu minh chứng.

☐ Biên bản ghi nhận kết quả vận hành thử nghiệm công nghệ trong điều kiện thực tế

☐ Các văn bản ghi nhận việc tiếp nhận sơ bộ hoặc bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác với đối tác có nhu cầu nhận chuyển giao nếu có.

Khánh Hòa, ngày tháng năm 202...

Trưởng nhóm tác giả thực hiện

(ký ghi rõ họ và tên)

.....

III. PHẦN XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM ĐMST

- ☐ Hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện kỹ thuật để trình lên Hội đồng Thẩm định cấp trường đánh giá thực tế
- ☐ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu, đề nghị nhóm tác giả tiến hành bổ sung hoặc giải trình chi tiết các nội dung sau:

.....

.....

.....

Mã số hồ sơ trình thẩm định chính thức: NTU-CGCN-202...-.....

Mẫu 3: Hợp đồng chuyển giao công nghệ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Số:/202.../HĐCGCN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ...
 - Căn cứ Luật CGCN
 - Căn cứ Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo
 - Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch chuyển giao công nghệ số/QĐ-ĐHNT
 ngày/...../202... của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại ... chúng tôi gồm:

BÊN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (BÊN A):**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Website:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

Người đại diện:

Chức vụ:

BÊN NHẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (BÊN B):**(Tên đơn vị).....**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Website:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

Người đại diện:

Chức vụ:

Điều 1. Đối tượng Công nghệ chuyển giao

Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý tiếp nhận quyền [sở hữu / sử dụng]
 công nghệ đối với:

Tên công nghệ:

.....

Chi tiết đối tượng công nghệ: ☐ Bí quyết kỹ thuật ☐ Bản vẽ thiết kế hoặc Quy trình công nghệ ☐ Thiết bị đi kèm

Điều 2. Phương thức và tiến độ chuyển giao

1. Bên A bàn giao toàn bộ tài liệu quy trình kỹ thuật cho Bên B theo danh mục đính kèm trong vòng ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Bên A cử nhóm tác giả thực hiện đào tạo, tập huấn chuyển giao năng lực vận hành cho Bên B (Chi tiết nội dung và lộ trình được quy định cụ thể tại kế hoạch đào tạo đi kèm).

Điều 3. Giá chuyển giao và Phương thức thanh toán

1. Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ: VNĐ
(Bằng chữ:).

2. Phương thức thanh toán lựa chọn:

☐ Thanh toán trọn gói một lần trong vòng ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
☐ Thanh toán theo đợt tiến độ (Mô tả chi tiết số đợt và điều kiện giải ngân từng đợt tại phụ lục tài chính).

☐ Trích phần trăm (%) doanh thu thuần hoặc % lợi nhuận sau thuế từ hoạt động TMH sản phẩm.

Điều 4. Bảo hành Công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật

1. Thời hạn bảo hành công nghệ là tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật.

2. Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo hành kỹ thuật đối với bản chất thiết kế của công nghệ. Tác giả công nghệ chịu trách nhiệm chính về mặt kỹ thuật chuyên môn để xử lý lỗi phát sinh do bản chất của thiết kế công nghệ.

3. Bên A không chịu trách nhiệm bảo hành đối với các sự cố phát sinh do Bên B tự ý thay đổi hoặc vận hành sai quy trình hướng dẫn kỹ thuật của Bên A.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

...

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

...

Điều 6. Bảo mật thông tin

Cả hai bên cam kết bảo mật tuyệt đối các bí mật công nghệ, thông tin dữ liệu kỹ thuật và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.

Điều 7. Phạt vi phạm và giải quyết tranh chấp

1. Mức phạt vi phạm hợp đồng do các bên thỏa thuận là % giá trị hợp đồng (đảm bảo không vượt quá mức tối đa quy định của Luật Thương mại).

2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng hòa giải. Trường hợp thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền hoặc Trọng tài Thương mại do hai bên thống nhất lựa chọn bằng văn bản.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký giao kết chính thức giữa hai bên, ngoại trừ các trường hợp công nghệ thuộc danh mục hạn chế hoặc bắt buộc phải thực hiện đăng ký theo quy định của pháp luật hiện hành.

...

Điều 9. Danh mục tài liệu kèm theo

- ☐ Thuyết minh chi tiết thông số kỹ thuật và bản vẽ quy trình công nghệ.
- ☐ Kế hoạch, tiến độ tập huấn kỹ thuật và biên bản bàn giao thử nghiệm.
- ☐ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B và Chứng thư Thẩm định giá (nếu có).

...

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÁC GIẢ CÔNG NGHỆ

(Ký xác nhận cam kết hỗ trợ chuyên môn và bảo hành)

(Ký và ghi rõ họ tên từng thành viên)

Mẫu 4: Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THƯƠNG MẠI HÓA VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:
2. Chức vụ trong Hội đồng:
- ☐ Chủ tịch ☐ Phó Chủ tịch ☐ Ủy viên phản biện ☐ Ủy viên ☐ Ủy viên, thư ký
3. Tên sản phẩm công nghệ đánh giá:
4. Tên đơn vị hoặc Nhóm tác giả:

STT	Nội dung tiêu chí đánh giá	Nhận xét	Kết luận
1	Phương án, quy trình công nghệ và giải pháp kỹ thuật được mô tả rõ ràng về nguyên lý và cách vận hành.		☐ Đạt ☐ Không đạt
2	Mức độ thử nghiệm thực tế: Đã được vận hành ngoài phạm vi phòng thí nghiệm trong điều kiện phù hợp với mục đích ứng dụng.		☐ Đạt ☐ Không đạt
3	Khả năng thương mại hóa: Có khả năng tạo ra sản phẩm, dịch vụ cụ thể xác định được trong thực tế sản xuất, kinh doanh.		☐ Đạt ☐ Không đạt
4	Tính an toàn và pháp lý: Không thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao hoặc hạn chế trái phép.		☐ Đạt ☐ Không đạt
5	Hồ sơ minh chứng quyền sở hữu: Có đầy đủ hồ sơ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Trường Đại học Nha Trang.		☐ Đạt ☐ Không đạt

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHƯƠNG ÁN ĐỊNH GIÁ VÀ PHÂN CHIA LỢI ÍCH ĐỀ XUẤT

Ý kiến về giá chuyển giao đề xuất:

.....

Ý kiến về phương án chia lợi nhuận giữa các bên:

.....

III. KẾT LUẬN CUỐI CÙNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

- ☐ Đồng ý thương mại hóa và chuyển giao công nghệ
- ☐ Không đồng ý thương mại hóa và chuyển giao công nghệ
- ☐ Ý kiến khác

Khánh Hòa, ngày tháng năm 202...

Thành viên Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 5: Biên bản họp hội đồng thẩm định

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM THƯƠNG MẠI HÓA,
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

I. MỤC ĐÍCH

Biên bản này ghi nhận chính thức toàn bộ kết quả đánh giá thực tế của Hội đồng về mặt kỹ thuật tiềm năng thương mại hóa thực tế, độ an toàn pháp lý và phương án định giá sản phẩm chuyển giao công nghệ. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định phê duyệt ký kết hợp đồng chính thức với các bên đối tác.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Quy định số ... ban hành về hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Nha Trang
- Căn cứ Quyết định số:/QĐ-ĐHNT ban hành ngày/...../202... của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc thành lập Hội đồng thẩm định...

III. NỘI DUNG BIÊN BẢN CHI TIẾT

1. Thông tin chung về phiên họp thẩm định

Thời gian, địa điểm:...

2. Thành phần tham dự

Chủ tịch Hội đồng:	
Phó Chủ tịch Hội đồng:	
Ủy viên phản biện:	
Thư ký Hội đồng:	
Số thành viên có mặt:	 / thành viên (Đạt tỷ lệ: % - bảo đảm điều kiện họp trên 50% tổng số thành viên)
Đại diện nhóm tác giả:	 (Khách mời)

3. Nội dung thảo luận chuyên môn tại phiên họp

a) Ý kiến nhận xét, đánh giá chuyên sâu của các Ủy viên phản biện:

.....

.....

.....

b) Ý kiến trao đổi, thảo luận của các thành viên khác trong Hội đồng:

.....

.....

c) Phần giải trình, làm rõ các nội dung chất vấn của đại diện nhóm tác giả:

.....

.....

4. Kết quả đánh giá và biểu quyết của Hội đồng

Nội dung tiêu chí thẩm định	Kết quả đánh giá
Tiêu chí 1: Tính rõ ràng về nguyên lý vận hành và cách thức triển khai công nghệ	☐ Đạt ☐ Không đạt
Tiêu chí 2: Công nghệ đã được vận hành chạy thử nghiệm thực tế thành công ngoài phòng thí nghiệm	☐ Đạt ☐ Không đạt
Tiêu chí 3: Khả năng tạo ra các sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể, rõ ràng	☐ Đạt ☐ Không đạt
Tiêu chí 4: Công nghệ đề xuất chuyển giao không thuộc danh mục cấm theo luật định	☐ Đạt ☐ Không đạt
Tiêu chí 5: Có hồ sơ, tài liệu minh chứng	☐ Đạt ☐ Không đạt
Tiêu chí 6: Dự kiến giá trị của sản phẩm/công nghệ (dựa trên văn bản thẩm định giá) (nếu cần)	[số tiền dự kiến (VNĐ)]

Biểu quyết chung của Hội đồng:

Số phiếu đánh giá Đạt là / phiếu.

Số phiếu đánh giá không đạt là/..... phiếu.

5. Kết luận và kiến nghị cuối cùng của Hội đồng:

Về mức độ khả thi của hồ sơ:

- ☐ Đủ điều kiện tiến hành chuyển giao
- ☐ Chưa đủ điều kiện (Yêu cầu nhóm tác giả chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện)

2. Kết luận:

.....

.....

3. Kiến nghị về phương án định giá, tỷ lệ phân chia lợi ích

.....

.....

Thư ký Hội đồng thẩm định

Chủ tịch Hội đồng thẩm định

.....

.....

.....

.....